TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-02-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0991/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 556/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Túc Thùy T, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: 42 Lê Văn P, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: 374A/40/6 Nguyễn X, Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2020 và lời trình bày của bà Ngô Túc Thùy T trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Ngô Túc Thùy T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với ông Lê Hoàng T tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/7/2012. Trong thời gian đầu, ông bà chung sống tại nhà cha mẹ ruột của bà T ở quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2017, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và dẫn đến việc sống ly thân. Đến tháng 10 năm 2019, ông T về nhà cha mẹ ruột của mình tại quận Bình Thạnh để sống cho đến nay. Vào cuối năm 2019, bà T có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh vì nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng. Tuy nhiên, sau đó bà T đã rút đơn với nguyện vọng để có thời gian suy nghĩ kỹ hơn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Hoàng T;

- Về con chung: Bà T trình bày trong thời gian chung sống với ông T không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nợ chung và tài sản chung trong thời gian chung sống với ông T.

Đối với bị đơn là ông Lê Hoàng T, sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai giải quyết vụ án ly hôn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là ông Lê Hoàng T tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không có ý kiến phản hồi thông báo về việc thụ lý vụ án cũng không có mặt tại tòa để tham gia tố tụng theo quy định.

Tại phiên tòa,

Căn cứ vào đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 12 năm 2020 của bà Ngô Túc Thùy T, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn ông Lê Hoàng T đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về: " Ly hôn" được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Hoàng T có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn là bà Ngô Túc Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Hoàng T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3].*Về yêu cầu của đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 130/2012, quyển số: 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Hoàng T và bà Ngô Túc Thùy T và căn cứ vào lời trình bày của bà T thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hoàng T và bà Ngô Túc Thùy T là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tòa án đã mời ông, bà đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông T nhiều lần không có mặt để tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án; Điều này cho thấy ông T không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng khi đôi bên không có sự chia sẻ, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau; Bà T đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng vì tạo cơ hội hàn gắn giữa vợ chồng nên đã rút đơn. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T chứng tỏ rằng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà T trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có tài sản chung và nợ chung trong thời gian chung sống với ông Tâm; Ông T cũng không có ý kiến phản hồi trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà T.

Về phía ông T, ông vắng mặt không tham gia trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ông T đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của ông.

[4].*Về án phí:*

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 278, và Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Túc Thùy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Túc Thùy T được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

- Về con chung: Ghi nhận lời trình bày của bà T là không có con chung với ông Lê Hoàng T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà Trang là không có tài sản chung, nợ chung với ông Lê Hoàng T.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Ngô Túc Thùy T phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0087925 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường X, Quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An